UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TIÊN HOA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 536/QĐ-UBND	*Tiên Hoa, ngày 31 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu – chi ngân sách xã Tiên Hoa năm 2025

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN HOA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Hoa về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu-chi ngân sách xã;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Hoa về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu - chi ngân sách xã Tiên Hoa năm 2025.

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- TT.Đảng uỷ, HĐND (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Quang Vinh

Biểu mẫu số 01.1

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 31 / 8/2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán giao đầu năm thu NS xã	Thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán còn lại
	Tổng thu	**81.006.768.000**	**86.586.729.872**	**25.034.129.920**
A	**Thu trên địa bàn**	**29.863.200.000**	**5.817.901.216**	**25.034.129.920**
I	**Các khoản thu 100%**	**533.000.000**	**172.386.664**	**360.613.336**
1	Phí, lệ phí	89.000.000	40.049.000	48.951.000
2	Thu HLCS từ quỹ đất công ích	350.000.000	111.559.000	238.441.000
3	Hỗ trợ thu hồi đất			
4	Đóng góp theo QĐ			
5	Thu khác	94.000.000	20.778.664	73.221.336
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**29.330.200.000**	**5.645.514.552**	**24.673.516.584**
1	Thuế thu nhập cá nhân	117.200.000	615.071.725	
-	Thuế TNCN từ SXKD	21.000.000	30.566.411	
-	Thuế TNCN từ BĐS	27.600.000	422.462.782	
2	Thuế SDD phi NN	200.000.000	527.966	199.472.034
3	Thu tiền sử dụng đất	28.781.000.000	4.306.955.450	24.474.044.550
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	80.000.000	231.627.975	
5	Thu tiền thuê đất	6.000.000	6.707.860	
6	TN khoáng sản khác			
7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		5.421.360	
8	Thuế GTGT + TNDN + Thu #	146.000.000	479.202.216	
B	**Thu bổ sung NS cấp trên**	**51.143.568.000**	**50.925.107.639**	
1	Bổ sung cân đối	31.643.568.000	17.910.956.224	
2	Bổ sung có mục tiêu	19.500.000.000	33.014.151.415	
C	**Thu từ hỗ trợ của địa phương khác**		**213.810.000**	
D	**Thu chuyển nguồn**		**4.274.622.939**	
E	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		**25.355.288.078**	

Biểu mẫu số 01.2

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 21 / 8 /2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã
1	2	3	4
	TỔNG THU NSNN		
I	**Thu nội địa**	**42.668.715.000**	**29.863.200.000**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	365.000.000	146.000.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	265.000.000	117.200.000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước*		
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu*		
7	Lệ phí trước bạ	160.000.000	80.000.000
8	Thu phí, lệ phí		
-	*Phí và lệ phí trung ương*		
-	*Phí và lệ phí tỉnh*		
-	*Phí và lệ phí xã, phường*	89.000.000	89.000.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200.000.000	200.000.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	30.000.000	6.000.000
12	Thu tiền sử dụng đất	41.115.715.000	28.781.000.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	94.000.000	94.000.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	350.000.000	350.000.000
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức		
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước		
II	**Thu từ dầu thô**		
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
2	Thuế xuất khẩu		
3	Thuế nhập khẩu		
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu		
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
6	Thu khác		
IV	**Thu viện trợ**		

Biểu mẫu số 02

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	3
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**81.006.768.000**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**29.863.200.000**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	533.000.000
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	29.330.200.000
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**51.143.568.000**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	31.643.568.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	19.500.000.000
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**	
IV	**Thu kết dư**	
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**81.006.768.000**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**61.506.768.000**
1	Chi đầu tư phát triển	28.781.000.000
2	Chi thường xuyên	32.039.768.000
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Dự phòng ngân sách	686.000.000
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**19.500.000.000**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	19.500.000.000
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP**	
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**	
I	**Từ nguồn vay để trả nợ gốc**	
II	**Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh**	
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**	
I	**Vay để bù đắp bội chi**	
II	**Vay để trả nợ gốc**	

Biểu mẫu số 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	2
	TỔNG CHI NSĐP	**81.006.768.000**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**61.506.768.000**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**28.781.000.000**
1	Chi đầu tư cho các dự án	28.781.000.000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	**Chi thường xuyên**	**32.039.768.000**
	Trong đó:	
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	55.000.000
2	*Chi khoa học và công nghệ*	
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	
V	**Dự phòng ngân sách**	686.000.000
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**19.500.000.000**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**19.500.000.000**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

Biểu mẫu số 04

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 21 /8 /2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B		
A	**NGÂN SÁCH XÃ**		
I	**Nguồn thu ngân sách**	**81.006.768.000**	
1	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**29.863.200.000**	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**51.143.568.000**	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	31.643.568.000	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	19.500.000.000	
II	**Thu kết dư**		
III	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		
B	**CHI NGÂN SÁCH**	**81.006.768.000**	
1	**Chi các nhiệm vụ của ngân sách cấp xã**	81.006.768.000	
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		
2	Chi thường xuyên		
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

Biểu mẫu số 05

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 31/ 8/2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSĐP	**81.006.768.000**
A	**CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC**	**81.006.768.000**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**28.781.000.000**
1	Chi đầu tư cho các dự án	28.781.000.000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	**Chi thường xuyên**	**32.039.768.000**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	55.000.000
-	Chi khoa học và công nghệ	
-	Chi quốc phòng	1.194.627.741
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.159.384.800
-	Chi y tế, dân số và gia đình	238.898.000
-	Chi văn hóa - thông tin- thể thao và truyền thanh	1.154.635.940
-	Chi bảo vệ môi trường	175.000.000
-	Chi các hoạt động kinh tế	3.125.900.000
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	24.137.876.319
-	Chi bảo đảm xã hội	798.445.200
	Chi thường xuyên khác	
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	
IV	**Chi bổ sung mục tiêu**	**19.500.000.000**
V	**Dự phòng ngân sách**	**686.000.000**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	
B	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	

Biểu mẫu số 06

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 31 / 8/2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11
	TỔNG SỐ	**81.006.768.000**	**28.781.000.000**	**32.039.768.000**			**686.000.000**					**19.500.000.000**	
	CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC	**80.320.768.000**	**28.781.000.000**	**32.039.768.000**									
1	Quốc phòng	1.194.627.741		1.194.627.741									
2	An ninh	1.159.384.800		1.159.384.800									
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	55.000.000		55.000.000									
4	Sự nghiệp y tế	238.898.000		238.898.000									
5	Sự nghiệp Văn hóa thông tin thể thao và truyền thanh	1.154.635.940		1.154.635.940									
6	Chi bảo vệ môi trường	175.000.000		175.000.000									
7	Các hoạt động kinh tế	3.125.900.000		3.125.900.000									
8	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	798.445.200		798.445.200									
9	Quản lý nhà nước	59.784.706.459	28.781.000.000	11.503.706.459								19.500.000.000	
10	Hội đồng nhân dân	1.992.434.965		1.992.434.965									
11	Đảng	5.438.691.363		5.438.691.363									
12	Mặt trận Tổ quốc	4.430.275.532		4.430.275.532									
13	Hội đặc thù (Hội NCT, hội CTĐ...)	772.768.000		772.768.000									

Biểu mẫu số 07

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND xã Tiên Hoa)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11
	TỔNG SỐ	**32.039.768.000**	**55.000.000**	-	**1.194.627.741**	**1.159.384.800**	**238.898.000**	**1.154.635.940**		**3.125.900.000**	**24.137.876.319**	**798.445.200**	-
1	Quốc phòng	1.194.627.741			1.194.627.741								
2	An ninh	1.159.384.800				1.159.384.800							
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	55.000.000	55.000.000										
4	Sự nghiệp y tế	238.898.000					238.898.000						
5	Sự nghiệp Văn hóa thông tin thể thao và truyền thanh	1.154.635.940						1.154.635.940					
6	Chi bảo vệ môi trường	175.000.000							175.000.000				
7	Các hoạt động kinh tế	3.125.900.000								3.125.900.000			
8	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	798.445.200										798.445.200	
9	Quản lý nhà nước	11.503.706.459									11.503.706.459		
10	Hội đồng nhân dân	1.992.434.965									1.992.434.965		
11	Đảng	5.438.691.363									5.438.691.363		
12	Mặt trận Tổ quốc	4.430.275.532									4.430.275.532		
13	Hội đặc thù (Hội NCT, hội CTĐ...)	772.768.000									772.768.000		